

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 383/2013/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 và Quy chế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 142/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 30/TTr-STP ngày 15/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004, Điều 6 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP

ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 12 như sau:

“1. Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương và các vấn đề liên quan đến nội dung chính của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính, cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện đánh giá tác động về thủ tục hành chính theo quy định pháp luật hiện hành.

...

5. Xây dựng Tờ trình; nội dung Tờ trình phải nêu rõ:

- a) Sự cần thiết ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
- d) Quá trình soạn thảo, việc lấy ý kiến, những nội dung chưa thống nhất cần tham gia ý kiến.

6. Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này.

7. Hoàn chỉnh hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và Điều 17a của Quy định này”.

3. Bổ sung khoản 6 vào Điều 14 như sau:

“6. Trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi văn bản lấy ý kiến Sở Tư pháp về thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Thời hạn gửi hồ sơ và thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 15 như sau:

“2. Chậm nhất 12 (mười hai) ngày làm việc đối với cấp tỉnh, 10 (mười) ngày làm việc đối với cấp huyện trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện để thẩm định. Đối với dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thì thời hạn gửi hồ sơ đề nghị thẩm định là 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với cấp tỉnh, 12 (mười hai) ngày làm việc đối với cấp huyện trước ngày Ủy ban nhân dân họp.

Hồ sơ gửi thẩm định gồm:

- a) Công văn đề nghị thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Dự thảo Tờ trình và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được chỉnh lý sau khi nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia;

c) Bản tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong đó nêu rõ ý kiến tiếp thu, không tiếp thu (giải trình lý do); kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương và các vấn đề liên quan đến nội dung chính của dự thảo;

d) Tài liệu làm căn cứ có nội dung liên quan trực tiếp đến việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Văn bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính của cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định pháp luật hiện hành (đối với trường hợp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính).

3. Nội dung thẩm định gồm:

a) Sự cần thiết ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật;

c) Sự phù hợp của nội dung văn bản quy phạm pháp luật với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng;

d) Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với hệ thống pháp luật hiện hành;

đ) Sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và các chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính);

e) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;

g) Ngoài các nội dung nêu trên, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện có thể nhận xét, đánh giá về tính khả thi của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”.

5. Bổ sung Điều 17a như sau:

“Điều 17a. Hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tiếp thu ý kiến tham gia của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, chỉnh sửa dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và gửi hồ sơ (bản giấy qua đường công văn và bản điện tử - file word tới địa chỉ email: phongktvbqpl_stp@bacgiang.gov.vn) đến Sở Tư pháp để soát xét, hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ bao gồm:

a) Công văn của cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị soát xét, hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành;

b) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã tiếp thu ý kiến tham gia của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp có trách nhiệm soát xét, hoàn thiện, có văn bản (kèm theo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật) báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định”.

6. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“Điều 18. Trách nhiệm đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của năm sau kế tiếp, chủ động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và gửi đề nghị đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 01/10 hàng năm.

Nội dung đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy định này.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ lập dự kiến chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua; Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ lập dự kiến chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cùng cấp thông qua.

Nội dung dự kiến chương trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi dự kiến chương trình xây dựng văn bản năm sau đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 30/10 năm trước để trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp cuối năm.

3. Điều chỉnh Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Soạn thảo, tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 và Điều 17, Điều 19 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004, Điều 21 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế thẩm định dự thảo văn bản quy

phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 142/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 142/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nội dung thẩm định

Nội dung thẩm định được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp ban hành kèm theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp ban hành kèm theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này)”.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 408/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 10/8/2007; Quy chế thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 142/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan có căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hải